

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-02-2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Việt Long

2. Ông Chu Quang Liêm

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, Thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 05/9/2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn Quảng X, xã Chí M, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn Quảng X, xã Chí M, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tứ Kỳ; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Th- Giám đốc Ngân hàng

Địa chỉ: thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tứ Kỳ; Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Tiến M- Giám đốc

Địa chỉ: thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Bình, huyện

Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/9/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm anh H rượu chè, cờ bạc, sống không chung thủy và thường xuyên đánh đập chị. Mặc dù chị đã cố gắng nhẫn nhịn và đã khuyên bảo anh H nhưng anh H không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2020 mặc dù vợ chồng sống chung một nhà nhưng không ăn chung, không ngủ chung và không ai quan tâm đến ai. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn nên có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

+ Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hải Y sinh ngày 01/11/2007 và Nguyễn Quốc Vsinh ngày 20/8/2010, hiện cả 2 con đang sống cùng chị và anh H. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu Yến còn anh H nuôi cháu Việt, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện bổ sung chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung bao gồm:

1. 01 mảnh đất diện tích 160m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi và anh H, đất ở Thôn Quảng X, xã Chí M, huyện Tứ K (đất do vợ chồng tôi tự mua). Trên đất có 01 nhà 02 tầng diện tích khoảng 60m² mua năm 2016. Trị giá tài sản khoảng 400.000.000đồng.

2. Khoản nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tứ Kỳ số tiền 70.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tứ Kỳ là 60.000.000 đồng.

Ngày 04/11/2022 chị Nh có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H, tuy nhiên do anh H đi làm không có mặt ở nhà nên Tòa án đã giao các văn bản cho mẹ đẻ anh H là bà Lê Thị Hiền.

- *Tại biên bản lấy lời khai của bà Hiền thể hiện:*

Bà xác định điều kiện kết hôn giữa chị Nh và anh H như chị Nh trình bày tại Tòa án là đúng, trong quá trình chung sống bà thấy rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nếu có thì cũng chỉ liên quan đến vấn đề kinh tế vì chị Nh và anh H có con bị bệnh tim nên việc điều trị tốn kém mất nhiều chi phí. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị Nh trình bày thì bà cũng chỉ nghe chị Nh nói với bà chứ bà chưa nghe ai nói hay thấy anh H chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bà sống cùng vợ chồng chị Nh anh H nên bà thấy mặc dù sống cùng nhà nhưng anh chị đã ly thân 02 năm nay, anh H đi làm ở huyện Thanh Hà hai hôm hoặc một tuần anh H mới về nhà, anh chị không ai quan tâm đến ai, anh chị ăn riêng, ngủ riêng, không liên quan đến kinh tế của nhau.

Các văn bản tố tụng của Tòa án sau khi bà nhận được bà đều giao tận tay cho anh H, anh H đã nhận và biết các văn bản tố tụng của Tòa án và có nói với bà anh không nhất trí ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Nh ly hôn

anh thì anh có nguyện vọng được nuôi một con chung, chị Nh nuôi một con chung không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh H hay chị Nh nuôi con thì thực tế các cháu vẫn ở cùng bà và vợ chồng chị Nh anh H, bà vẫn hỗ trợ anh chị trong việc nuôi con.

- Tại biên bản xác minh tại UBND xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ thể hiện: Năm 2016 chị Nh anh H mua nhà đất tại thôn Quảng Xuyên, xã Chí Minh và chuyển khẩu về đây làm ăn, sinh sống. Chị Nh đi làm công ty còn anh H làm bên Thanh Hà sáng đi tối về. Anh chị có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì chưa lần nào nhờ địa phương can thiệp hòa giải. Hiện anh chị đang sống cùng mẹ anh H là bà Hiền. Hàng ngày anh chị đi làm thì bà Hiền ở nhà cơm nước cho các cháu. Giữa chị Nh và mẹ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo địa phương nắm được cả chị Nh và anh H đều đi làm và có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại biên bản làm việc với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tứ Kỳ và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tứ Kỳ thể hiện: Đối với các khoản nợ của chị Nh và anh H tại Ngân hàng đến nay chị Nh đã thanh trả hết cho Ngân hàng nên Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Nh về việc chia tài sản chung, nợ chung; Về quan hệ hôn nhân: Cần xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N, xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 01/11/2007 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Quốc V sinh ngày 20/8/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, vay nợ chung: không xem xét, giải quyết. Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Vũ Thị N có đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn H, tại thời điểm thụ lý vụ án anh H sinh sống

tại Thôn Quảng X, xã Chí M, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Chị Nh và anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh H vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị Nh, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Bính, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/9/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do mâu thuẫn kéo dài không được khắc phục nên anh chị mặc dù ở cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không ăn chung, không ngủ chung và không liên quan đến kinh tế của nhau. Xét thấy, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H, anh H đã biết được các yêu cầu khởi kiện của chị Nh, mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc cũng như không có hành động hay đề ra giải pháp gì để níu kéo hôn nhân giữa anh và chị Nh. Như vậy có thể thấy anh H không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị Nh và có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, xử cho chị Nh được ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hải Y sinh ngày 01/11/2007 và Nguyễn Quốc V sinh ngày 20/8/2010, hiện cả 2 con đang sống cùng chị Nh, anh H và bà nội. Khi ly hôn chị Nh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hải Y, còn anh H có nguyện vọng được nuôi một trong hai con chung, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Bên cạnh đó cháu Nguyễn Hải Yến và cháu Nguyễn Quốc V tại đơn đề nghị gửi Tòa án thể hiện nguyện vọng cháu Yến muốn được ở với mẹ còn cháu Việt muốn ở với bố. Xét thấy chị Nh và anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, anh chị có thu nhập, nơi ở ổn định và đều đang ở cùng mẹ đẻ anh H nên được mẹ đẻ anh H hỗ trợ trong việc nuôi và chăm sóc các con nên cần chấp nhận theo nguyện vọng của anh chị để giao cháu Nguyễn Hải Y cho chị Nh nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Quốc V cho anh H nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị Nh và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Theo đơn khởi kiện bổ sung, chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung là diện tích 160m² đất tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 01 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị và anh H, đất ở Thôn Quảng X, xã Chí M, huyện Tứ K (đất do vợ chồng tự mua), trên đất có 01 nhà 02 tầng diện tích 60m² và khoản nợ tại Ngân hàng nông

ng nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tứ Kỳ số tiền 70.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tứ Kỳ là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó chị Nh có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn và con chung. Việc rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị Nh là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Tòa án án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Nh về việc chia tài sản chung, nợ chung là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị N khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Vũ Thị N về việc chia tài sản chung và nợ chung đối với: diện tích 160m² đất tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 01 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nh và anh H, đất ở Thôn Quảng X, xã Chí M, huyện Tứ K, trên đất có 01 nhà 02 tầng diện tích 60m² và khoản nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tứ Kỳ số tiền 70.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tứ Kỳ là 60.000.000 đồng.

Chị Nh được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hải Y sinh ngày 01/11/2007 cho chị Vũ Thị N và giao con chung là Nguyễn Quốc V sinh ngày 20/8/2010 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), hiện các con chung đang ở cùng chị Nh và anh H. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh và anh H về việc anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004457 ngày 05/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị Nh đã nộp đủ

Trả lại chị Nh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp theo biên lai thu số 0000703 ngày 30/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Vũ Thị N, anh Nguyễn Văn H, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tứ Kỳ, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tứ Kỳ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Thanh Bình, huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành